TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 14/10/2019.
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Nguyễn Minh Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2019/TLST - HNGĐ ngày 03/6/2019 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 2, ấp K, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 2, ấp K, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2019, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn

hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, ông L nghiện ma túy và hiện đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hữu L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà H và ông L có 02 người con chung tên Phạm Ngọc Quang P, sinh năm 2009 và Phạm Tùng L1, sinh năm 2013. Khi ly hôn Bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2019, bị đơn ông Phạm Hữu L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, ông L nghiện ma túy và hiện đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, với yêu cầu của Bà H thì ông L không đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông L và Bà H có 02 người con chung tên là Phạm Ngọc Quang P, sinh năm 2009 và Phạm Tùng L1, sinh năm 2013. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, Bà H và ông L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn nên Bà H yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, trong quá trình chung sống, Bà H và ông L có 02 người con chung tên là Phạm Ngọc Quang P, sinh năm 2009 và Phạm Tùng L1, sinh năm 2013; khi ly hôn, Bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, ông L cũng yêu cầu được nuôi con. Tại bản tự khai cháu Phú có nguyện vọng được sống với ông L nhưng hiện tại ông L đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện để nuôi con, vì vậy cần giao con chung cho Bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn ông Phạm Hữu L có nơi cư trú tại ấp K, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hữu L chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa Bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã, ông L nghiện ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ông L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông L có nghiện ma túy. Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì việc mâu thuẫn giữa Bà H và ông L địa phương không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của Bà H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các bản sao giấy khai sinh, xác định Bà H và ông L có 02 người con chung tên Phạm Ngọc Quang P, sinh năm 2009 và Phạm Tùng L1, sinh năm 2013. Hiện tại các con đang sống chung với Bà H nhưng có nguyện vọng được sống cùng ông L. Tuy nhiên, hiện tại ông L đang bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển của các con chung nên để Bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà H về con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn ông Phạm Hữu L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Hữu L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Quang P, sinh ngày 22/6/2009 và Phạm Tùng L1, sinh ngày 22/12/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026308 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã LH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Duyên